

Số: 181/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Quản lý tài nguyên và môi trường của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 39 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 39;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 39 ngày 10/10/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường đúng theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau thẩm định chi tiết trong Phụ lục I (kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục được khuyến nghị chi tiết trong Phụ lục II (kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐGCNCLGD.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 181/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4.20	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4.40	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5		4.00	5	100%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4.17	6	100%
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4.14	7	100%	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4.20	4	80%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	5			
					Tiêu chí 11.5	3			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		47			94%				

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng, rà soát và điều chỉnh định kỳ đúng quy định, đảm bảo tính khoa học, rõ ràng, đo lường được, có sự tham gia của nhiều bên liên quan, tham chiếu chuẩn quốc gia và quốc tế, đánh giá theo tiêu chí SMART, phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu xã hội, thể hiện rõ định hướng đào tạo nhân lực có năng lực ứng phó biến đổi khí hậu. Bản mô tả CTĐT được xây dựng công phu, cập nhật định kỳ, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý, cung cấp đầy đủ thông tin cốt lõi; các đề cương học phần được thiết kế chi tiết, minh bạch, có quy trình xây dựng và phê duyệt chặt chẽ, được công bố công khai bằng nhiều hình thức. Cấu trúc chương trình dạy học được xây dựng đúng quy định, đảm bảo khối lượng tín chỉ và các thành phần cần thiết, thể hiện tính logic trong sắp xếp học phần, được rà soát định kỳ tham khảo ý kiến các bên liên quan và tham chiếu CTĐT trong và ngoài nước. Triết lý và mục tiêu giáo dục được xác định rõ ràng, gắn kết chặt chẽ với sứ mạng của Học viện, được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, sinh viên và đối tác; các hoạt động đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra với nhiều phương pháp giảng dạy tích cực. Hệ thống văn bản quy định về kiểm tra đánh giá được xây dựng đầy đủ, hướng đến chuẩn đầu ra, minh bạch, công bố công khai; quá trình phản hồi kết quả học tập diễn ra kịp thời. Đội ngũ giảng viên cơ hữu được phát triển theo kế hoạch rõ ràng, có năng lực chuyên môn đạo tạo, được khuyến khích nâng cao trình độ; hoạt động nghiên cứu khoa học được quản lý, giám sát, đánh giá định kỳ và đạt kết quả đáng ghi nhận. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xây dựng đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu phẩm chất và trình độ chuyên môn; cán bộ quản lý được tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật hàng năm, công bố công khai; công tác giám sát tiến bộ học tập được triển khai thông qua phần mềm Edusoft; các đề án hỗ trợ sinh viên hoạt động hiệu quả. Cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại với diện tích rộng lớn, hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy tính đầy đủ trang thiết bị; thư viện cung cấp nguồn học liệu phong phú; hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo học tập trực tuyến. CTĐT được rà soát cập nhật thường xuyên, gắn với yêu cầu phát triển bền vững; khảo sát người học và doanh nghiệp được duy trì thường xuyên để cải tiến. Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên được tổ chức chuyên nghiệp; hệ thống quản lý học tập trực tuyến hỗ trợ cập nhật điểm số và tiến độ học tập.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả

thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hoàn thiện quy trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo hướng toàn diện, thực chất, có minh chứng đầy đủ và sự tham gia đa dạng của các bên liên quan; tăng cường truyền thông, tập huấn nhằm giúp giảng viên và người học hiểu rõ nội dung, tinh thần và ý nghĩa của chuẩn đầu ra, qua đó nâng cao hiệu quả triển khai trong thực tiễn; cụ thể hóa các chuẩn đầu ra khó định lượng, đặc biệt là năng lực tự chủ và trách nhiệm, để bảo đảm khả năng đánh giá, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Rà soát, điều chỉnh phạm vi mô tả lĩnh vực và vị trí việc làm trong bản mô tả CTĐT theo hướng cụ thể, phù hợp hơn với mục tiêu đào tạo và năng lực đầu ra; chuẩn hóa, thống nhất các đề cương học phần trong việc phân bổ thời lượng học tập, tinh gọn danh mục tài liệu tham khảo theo hướng chọn lọc, thiết thực, đồng thời đảm bảo tài liệu tham khảo có sẵn và phù hợp tại thư viện; mở rộng kênh công bố đề cương học phần thông qua cổng thông tin đào tạo, thư viện số và các nền tảng trực tuyến, đồng thời thiết lập cơ chế tiếp nhận phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng nhằm kịp thời cập nhật, nâng cao chất lượng CTĐT và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

3. Rà soát và hoàn thiện chương trình theo hướng giảm tỷ lệ học phần đại cương, tăng cường các học phần cơ sở, cốt lõi và chuyên ngành để đảm bảo tính đặc thù liên ngành; mở rộng và đa dạng hóa học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng các định hướng chuyên sâu phù hợp với nhu cầu thực tiễn và cơ hội việc làm; sắp xếp các học phần đảm bảo tính kế thừa, tuần tự và gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, nhằm nâng cao năng lực ứng dụng của sinh viên; hoàn thiện ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra – phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá, để tăng cường tính đồng bộ, minh chứng rõ ràng hơn cho việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

4. Mở rộng phạm vi phổ biến và giải thích triết lý, mục tiêu giáo dục đến nhiều bên liên quan hơn, đồng thời làm rõ hơn việc tích hợp các giá trị này trong từng học phần; đa dạng hóa các hoạt động thực tập và thực tế nghề nghiệp về địa điểm, lĩnh vực và nội dung, gắn sát với nhu cầu thực tiễn và định hướng nghề nghiệp của sinh viên; phát triển đào tạo ngoại ngữ đa dạng hơn ngoài tiếng Anh, đồng thời tăng cường tích hợp các chuyên đề, học phần và hoạt động ngoại khóa về kỹ năng mềm, kiến thức xã hội và năng lực thực hành.

5. Tập trung cải tiến vào một số lĩnh vực quan trọng để nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác đánh giá; xây dựng và ban hành các hướng dẫn chi tiết hơn về việc triển khai các phương pháp đánh giá quá trình; tăng cường tập huấn cho giảng viên về cách lựa chọn và áp dụng các phương thức đánh giá đa dạng, đặc biệt là các phương pháp có thể đo lường được các chuẩn đầu ra liên quan đến kỹ năng mềm, phẩm chất và thái độ; tăng cường thẩm định đề thi và kiểm soát quá trình chấm thi để đảm bảo tính chính xác, công bằng; tiếp tục đa dạng hóa các phương pháp đánh giá và đánh giá hiệu quả của từng phương pháp, từ đó xây dựng các tổ hợp đánh giá đáng tin cậy, công bằng và đo lường chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

6. Xây dựng và triển khai chính sách xây dựng và thu hút, giữ GV giỏi với các cơ chế đặc thù để thu hút GV trình độ cao và phát triển chuyên gia đầu ngành kế cận cho CTĐT; cải tiến tiêu chí đánh giá năng lực, mức năng lực để đánh giá và đào tạo CBGV theo từng vị trí việc

làm, quan tâm năng lực chuyển đổi số và ứng dụng AI; hoàn thiện công cụ, phương thức và bộ chỉ số KPIs trong đó có ghi nhận cụ thể đối với các loại hình hoạt động phục vụ cộng đồng để đánh giá, ghi nhận hiệu quả đóng góp đi cùng với đổi mới chính sách đãi ngộ để tạo động lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tiếp tục điều chỉnh, ban hành các chính sách, cơ chế thúc đẩy hợp tác, kết nối để đẩy mạnh các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành có khả năng ứng dụng, chuyển giao trong thực tiễn và tăng cường công bố quốc tế để phát huy tiềm lực của cán bộ giảng viên tham gia CTĐT.

7. Hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs cho đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết (bao gồm cả năng lực về phục vụ cộng đồng) và có tính phân loại cao để đánh giá đúng năng lực của các nhóm nhân viên với chức năng nhiệm vụ khác nhau; xây dựng quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cố vấn học tập; sử dụng kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên để thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động và đối sánh qua các năm; tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa được tham gia các khóa bồi dưỡng phục vụ công tác cố vấn học tập và trợ lý khoa nhằm nâng cao hiệu quả công tác của nhóm cán bộ này, phục vụ và hỗ trợ tốt hơn nữa cho các CTĐT của Khoa.

8. Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ số trong công tác tư vấn tuyển sinh nhằm tăng tốc độ, hiệu quả hỗ trợ và nâng cao trải nghiệm của thí sinh, phụ huynh; đánh giá sâu liệu quả Đề án Nổi vòng tay lớn, thiết kế cơ chế phân nhóm hỗ trợ phù hợp và áp dụng công cụ theo dõi, phản hồi để tăng tính hiệu quả; phát huy thế mạnh sẵn có để nâng tầm hoạt động câu lạc bộ và ngoại khóa, gắn với các mô hình sáng tạo, dự án thực tế, mentor và công nghệ mới, qua đó hỗ trợ người học toàn diện hơn.

9. Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất xuống cấp, bố trí hợp lý các khu vực để giảm khoảng cách di chuyển, bổ sung phương tiện di chuyển nội bộ; nâng cấp hệ thống wifi, tăng chỗ ngồi và hiện đại hóa thư viện, ưu tiên số hóa học liệu, cập nhật tài liệu mới; đầu tư thiết bị phòng thí nghiệm đồng bộ, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ và đào tạo sử dụng thiết bị hiện đại; thành lập bộ phận công nghệ thông tin chuyên trách, tích hợp cổng thông tin chung, đẩy mạnh chuyển đổi số và học liệu điện tử; hoàn thiện quy định hỗ trợ người khuyết tật, thiết kế khảo sát chi tiết theo nhóm đối tượng, công bố kết quả và kế hoạch cải tiến để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

10. Mở rộng và đa dạng hóa kênh phản hồi từ nhà tuyển dụng, thành lập Hội đồng tư vấn (Advisory Board) với doanh nghiệp và cơ quan quản lý/ hiệp hội để tăng giá trị góp ý và cập nhật CTĐT theo xu hướng mới; rà soát, hoàn thiện quy định và hướng dẫn phát triển CTĐT đảm bảo tiếp cận theo OBE; rà soát phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra, chuẩn hóa rubric và sắp xếp tiến trình thực hiện các học phần phù hợp với logic I-P-R-M; xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho năng lực mềm (tự chủ, trách nhiệm, đạo đức...) và tăng cường tập huấn giảng viên về công cụ đo lường; đẩy mạnh biên soạn giáo trình từ kết quả nghiên cứu, phát triển học phần/dự án thực tế gắn với sinh viên; giám sát định kỳ mức độ hài lòng về dịch vụ; ưu tiên nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo tăng nhanh gần đây; hoàn thiện bộ công cụ khảo sát theo hướng khoa học, bổ sung câu hỏi mở về xu hướng, phân tích kết quả theo CTĐT và đánh giá tác động xã hội để bảo đảm cải tiến bền vững.

11. Phân tích và xác định rõ phân khúc đối tượng tuyển sinh, điều chỉnh CTĐT phù hợp với năng lực đầu vào, đặc biệt cho các ngành công nghệ kỹ thuật; đẩy mạnh đào tạo theo tín chỉ

và chuyển đổi số để cá thể hóa lộ trình học tập, rút ngắn thời gian tốt nghiệp; mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên bằng cách tạo cơ hội tham gia đề tài nghiên cứu của giảng viên và dự án doanh nghiệp; tăng cường vận hành hệ thống LMS, thiết lập hồ sơ học tập cá nhân, phân công giảng viên cố vấn định kỳ gặp gỡ sinh viên (tối thiểu hai lần/học kỳ); lập báo cáo tiến độ định kỳ, nhận diện sớm sinh viên chậm tiến độ và triển khai hỗ trợ kịp thời để nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

